| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**<br>**TỈNH ĐỒNG NAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 73/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2024
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI.**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Tám

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Huỳnh Phi Hổ

Ông Trần Văn Chánh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa***: Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, quyết định hoãn phiên toà số 80/2024/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 03 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn**: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1969

Địa chỉ: phường L, thành phố B, Đồng Nai.

**- Bị đơn**: Ông Nguyễn Đăng C, sinh năm 1962.

Địa chỉ thường trú: phường L, thành phố B, Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Khu phố L, phường L, thành phố B, Đồng Nai.

(*bà T có đơn xin vắng mặt, ông C vắng mặt*)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09/01/2024 và tại phiên họp ngày 19/02/2024, nguyên đơn bà Đoàn Thị T trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian quen biết và tìm hiểu, giữa bà và ông Nguyễn Đăng C phát sinh tình cảm và quyết định tiến tới hôn nhân. Ông bà đã được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống và được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận ký kết hôn vào ngày

25/8/1989, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng rất hạnh phúc. Tuy nhiên sau đó, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp nhau về quan điểm sống và tính cách dẫn đến thường xuyên bất hòa, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống gia đình căng thẳng, không có hạnh phúc. Nhiều lần ông bà tìm cách để hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, đoàn tụ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Đăng C.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 15/3/1990 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14/7/1996. Các con chung đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

***Tại biên bản lấy lời khai ngày 05 tháng 02 năm 2024 bị đơn ông Nguyễn Đăng C trình bày:*** Ông thừa nhận quá trình chung sống với bà T thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do bà T gặp lại bạn cũ ở Mỹ và đòi qua Mỹ ở nhưng ông không đồng ý, vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay và hiện không ai quan tâm đến ai nên bà T xin ly hôn thì ông cũng đồng ý. Ông thống nhất với trình bày của bà T về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung và không có ý kiến gì khác.

***Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa***: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình làm việc bị đơn có lời khai trình bày ý kiến nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên toà và không có đơn đề nghị vắng mặt nên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị T.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1**] Về tố tụng**: bà Đoàn Thị T yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Đăng C, ông C là bị đơn cư trú tại phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định của pháp luật.

**[2] Về việc giải quyết vụ án:**

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Đoàn Thị T và ông Nguyễn Đăng C kết hôn vào năm 1989 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 34/1989 quyển số 01 cấp ngày 25/8/1989 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8,9 Luật hôn nhân gia đình năm 1986. Nay bà T xin ly hôn, Tòa án căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

2.2. Về yêu cầu xin ly hôn của bà T: Bà T khai thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hoà hợp nhau về quan điểm sống và tính cách dẫn đến thường xuyên bất hòa, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống gia đình căng thẳng, không có hạnh phúc. Nhiều lần ông bà tìm cách để hàn gắn nhưng không có kết quả. Hiện ông bà đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nay bà cảm thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông C.

Tại Biên bản làm việc ngày 05/02/2024, ông C thừa nhận quá trình chung sống với bà T thời gian đầu có hạnh phúc nhưng đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, do bà T gặp lại bạn cũ ở Mỹ và đòi qua Mỹ ở nhưng ông không đồng ý, vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay và hiện không ai quan tâm đến ai. Nay bà T xin ly hôn thì ông C cũng đồng ý. Quá trình Tòa án mở các phiên họp hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án, ông C không có đơn xin vắng mặt và vắng mặt không có lý do thể hiện ông cũng không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Thực tế hiện nay, bà T và ông C đã sống ly thân và không còn tình cảm với nhau, không quan tâm nhau. Như vậy, tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng bà T, ông C là có thật, vợ chồng không thực hiện đúng nghĩa vụ tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, nếu tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân cũng không đem đến hạnh phúc cho cả hai nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà T được ly hôn với ông C.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có hai người con chung tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 15/3/1990 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14/7/1996, cả hai con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] **Về tài sản chung:** các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.5] **Về nợ chung:** Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.6] **Về án phí:** Bà Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986

Căn cứ Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị T về việc "Tranh chấp ly hôn" với bị đơn ông Nguyễn Đăng C.

Tuyên xử:

**1**. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị T, sinh năm 1969 được ly hôn ông Nguyễn Đăng C, sinh năm 1962.

**2**. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 15/3/1990 và Nguyễn Đăng K, sinh ngày 14/7/1996. Các con chung đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đoàn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai số 0001812 ngày 20/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị T, ông Nguyễn Đăng C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa ;
- Nơi đăng ký kết hôn ;
- Lưu : HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tám**